

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QA
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày: 18 - 6 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QA, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố QA, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QA, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Thị K, sinh năm 1988, tại: huyện K, tỉnh T; nơi cư trú: ấp 1, xã C, huyện K, tỉnh T; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông PvP, sinh năm 1965 và MTT, sinh năm 1970; có chồng là Trần Văn Tj, sinh năm 1987 và có 03 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án: Ngày 04/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh T, kết án 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hoãn chấp hành Bản án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bỏ trốn.

Tiền sự: Không.

Nhân dân: Ngày 09/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K, tỉnh T, từ ngày 05/02/2021 chuyển tạm giam đến Nhà tạm giữ - Công an thành phố QA cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị Cx, sinh năm 1996, nơi cư trú: tổ 19, khóm G, phường S, thành phố QA, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Vũ Văn Vj, sinh năm 1995, nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Trần Văn Tj, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp 1, xã C, huyện K, tỉnh T, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phan Văn Hj, sinh năm 1963, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Kj, sinh năm 1998, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/9/2020, Phạm Thị K đang ở tại nhà trọ XYZ thuộc khu vực khóm G, phường S, thành phố QA, khi bước ra sảnh nhà trọ, K nhìn thấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 – Promax của Lê Thị Cx đang để trên bàn gỗ, K lấy trộm điện thoại, đem cầm cho Vũ Văn Vj được 10.000.000 đồng, số tiền có được K dùng thanh toán viện phí khi sinh con. Phát hiện mất trộm tài sản, Cx xem Camera của nhà trọ và đến Công an phường S trình báo.

Vật chứng thu giữ do Vũ Văn Vj, Lê Thị Cx giao nộp: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 – Promax cùng 01 hộp đựng điện thoại (đã giao trả cho bị hại Cx); 02 đĩa DVD ghi hình ảnh K lấy trộm điện thoại.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 246/KL-ĐG ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố QA xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 – Promax, 64G, màu xanh, đã qua sử dụng, tỉ lệ sử dụng còn lại 70%, giá trị còn lại 12.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố QA ban hành Quyết định khởi tố vụ án Ngày 28/12/2020 và Quyết định khởi tố bị can ngày 28/02/2021 cùng Lệnh tạm giam Phạm Thị K để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSQA ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố QA đã truy tố bị cáo Phạm Thị K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn Tj (chồng của bị cáo) đã tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng cho bị hại, không có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố QA truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, là phụ nữ có thai và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 – Promax và 01 hộp đựng điện thoại, đã giao trả cho bị hại Cx nên không đề cập xem xét giải quyết.

+ Lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD ghi diễn biến Phạm Thị K thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Lê Thị Cx và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Vj, ông Trần Văn Tj không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại Lê Thị Cx, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Vj, ông Trần Văn Tj, người làm chứng Nguyễn Thị Kj và Phan Văn Hj đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đều đã cung cấp lời khai trong giai đoạn điều tra, được thể

hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[1.2] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố QA, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố QA, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về hành vi bị truy tố, bị cáo Phạm Thị K khai nhận, do buồn chuyện gia đình nên ngày 17/9/2020, bị cáo đến thuê phòng trọ số 102 của nhà trọ XYZ để ở, mục đích để người thân không tìm được. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/9/2020, khi ra sảnh của nhà trọ, bị cáo nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 – Pro Max để trên bàn gỗ, không người trông giữ nên đã dùng tay lấy trộm điện thoại và dùng áo khoác để che lại. Sau đó, bị cáo thuê xe ôm đến thị trấn Tri Tôn, thế chấp cho cửa hàng điện thoại được 10.000.000 đồng, dùng số tiền này để trả viện phí sinh con. Đến ngày 05/02/2021 thì bị bắt giữ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra; phù hợp với tài liệu, chứng cứ gồm: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm cùng ngày 19/9/2020 do Công an phường S, thành phố QA lập; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 25/11/2020 cùng bản ảnh hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 20/9/2020; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 09/10/2020 cùng 01 đĩa DVD chứa đoạn video clip và hình ảnh trích xuất từ camera trong vụ trộm cắp tài sản ngày 19/9/2020; phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vj, người làm chứng Kj, Hj, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, trị giá 12.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 246/KL-ĐG ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố QA.

Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Từ đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố QA truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đang trong thời gian hoãn chấp hành án thì lại tiếp tục phạm tội, từ đó có thể thấy bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[1.5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, phạm tội khi đang mang thai, thuộc thành phần nhân dân lao động nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[1.6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[1.7] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với ông Trần Văn Tj đã nộp 10.000.000 đồng để thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không đề cập giải quyết.

Đối với ông Vũ Văn Vj nhận cầm giữ điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần nhắc nhở để ông Vj nâng cao ý thức pháp luật khi thực hiện các giao dịch dân sự.

[1.8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 - Pro Max đã giao trả cho bị hại nên không đề cập giải quyết;

- Đối với 02 đĩa DVD chứa video clip ghi lại hình ảnh trích xuất từ Camera thể hiện hành vi bị cáo trộm cắp tài sản nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[1.9] Về các vấn đề khác:

Ngày 04/12/2014, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh T xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 69/2014/HS-ST (bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội danh đang xét xử và tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[1.10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Phạm Thị K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 69/2014/HS-ST ngày 04/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc tỉnh T; buộc bị cáo Phạm Thị K chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 05/02/2021 (*ngày năm, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD ghi diễn biến Phạm Thị K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 19/9/2020.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị K phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. QA (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1)
- Chi cục THADS TP. QA (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1)
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức